

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST

Ngày: 20-9-2023

“V/v tranh chấp về quyền
lối đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Ông Trương Ngọc Điệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên
tòa:*** Bà Lưu Kim Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 299/2022/TLST-DS ngày 18/7/2022 về việc “Tranh chấp về quyền lối đi qua” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số G, đường Đ, Tổ C, Khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số E, đường H, Tổ D, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021), có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1942; địa chỉ: Số G, đường Đ, Tổ C, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Thanh P, sinh năm 1968; địa chỉ: Số G, đường Đ, Tổ C, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022), vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đặng Hoàng T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số G, đường Q, Tổ F, Khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:**

Ông Đặng Thanh H được cấp quyền sử dụng đất diện tích 231m² thửa đất số 521, tờ bản đồ 14, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H14239 cấp ngày 18/7/2006 cho ông Đặng Thanh H. Nguồn gốc đất này do ông H được nhận tặng cho từ cha ông H là ông Đặng Văn B và được tách ra từ thửa đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00561/QSĐĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp ngày: 17/4/2002 cho chủ sử dụng là ông Đặng Văn B. Phần diện tích đất nguyên đơn ông H được cấp quyền sử dụng nêu trên nằm phía trong phần đất thuộc quyền sử dụng còn lại của đất ông B. Do không hiểu biết về pháp luật nên khi thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất không thỏa thuận dành ra phần đất làm lối đi cho ông H. Sau đó, nguyên đơn và ông B có thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc xác lập lối đi cho nguyên đơn có lối đi ra ngoài đường chính (lối đi các bên thỏa thuận có chiều ngang khoảng 3,5m, chiều dài khoảng 20m, tổng cộng diện tích khoảng 70m²) là một phần thửa đất số: 149, tờ bản đồ số: 14 tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00561/QSĐĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/4/2002 cho chủ sử dụng là ông Đặng Văn B, diện tích lối đi do Chi nhánh văn phòng Đ đo đạc thực tế có diện tích 59,6m². Khoảng tháng 01/2021, ông B lại tiến hành cấm trụ bê tông trên phần diện tích đất lối đi mà ông B đã thỏa thuận làm lối đi cho nguyên trước đó. Khi phát hiện ông B cấm trụ chắn lối đi nguyên đơn nhiều lần yêu cầu ông B phá bỏ các trụ đã cấm để trả lại lối đi chung mà các bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, ông B không có thiện chí trong việc thỏa thuận giải quyết và xác định phần diện tích đất đó không phải là lối đi. Nhận thấy những hành vi của ông B là vi phạm sự thỏa thuận, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nay ông Đặng Thanh H yêu cầu ông Đặng Văn B mở một lối đi đo đạc thực tế có diện tích 59,6m² thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSĐĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho chủ sở hữu là ông Đặng Văn B để ông Đặng Thanh H có lối đi ra đường công cộng.

* Bị đơn ông Đặng Văn B và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Đặng Thanh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đặng Hoàng T đã được triệu tập đến Tòa án nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp quyền về lối đi qua” theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Do đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: ông Đặng Thanh H yêu cầu ông Đặng Văn B dành để mở một lối đi đo đạc thực tế có diện tích 59,6m² thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho chủ sở hữu là ông Đặng Văn B để ông Đặng Thanh H có lối đi ra đường công cộng.

[3] Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án nhưng bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đất tranh chấp do Chi nhánh văn phòng Đ cung cấp ngày 05/01/2023 diện tích đất tranh chấp 59,6m² thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B.

[5] Xét, ngày 29/5/2006 ông Đặng Văn B tặng cho quyền sử dụng đất cho con ông Đặng Thanh H theo hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 231m² được tách ra từ thửa đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B. Ngày 18/7/2006 ông Đặng Thanh H được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 231m² thửa đất số 521, tờ bản đồ 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H14239 do UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/7/2006 cho ông Đặng Thanh H. Ngày 15/6/2006, ông Đặng Văn B tặng cho quyền sử dụng đất cho con rể là ông Nguyễn Văn T1 theo hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 195m² được tách ra từ thửa đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B. Ngày 04/12/2006, ông Nguyễn Văn T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 195m² thửa đất số 526, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H18794 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 04/12/2006 cho ông Nguyễn Văn T1 đã được chỉnh lý sang tên ông Nguyễn Đặng Hoàng T vào ngày 30/12/2017.

[6] Tại công văn số 40/UBND-ĐC ngày 22/02/2023 của UBND phường Đ, thành phố T xác định thửa đất số 521 và thửa số 526 tờ bản đồ 14 không thể hiện lối đi và muốn đi ra đường công cộng thì phải đi qua đất ông Đặng Văn B thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Văn B. Ngoài ra 02 thửa đất số 521 và thửa số 526 tờ bản đồ 14 không tiếp giáp với lối đi nào khác để đi ra đường công cộng. Công văn số 550/UBND-VP ngày 15/3/2023 của UBND thành phố T cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích thửa đất số 521 và 526, tờ bản đồ số 14 là phù hợp với quy định trình tự tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 521 và 526 tờ bản đồ 14 không tiếp giáp với lối đi nào khác, lối đi thửa đất số 521 và 526 tờ bản đồ 14 ra đường công cộng phải đi qua đất ông Đặng Văn B thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14.

[7] Như vậy, có cơ sở khẳng định diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế 59,6m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B là lối đi thuận tiện nhất để đi ra đường công cộng. Việc ông Đặng Văn B cản trở việc ông Đặng Thanh H đi vào thửa đất số 521, tờ bản đồ 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H14239 do UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/7/2006 cho ông Đặng Thanh H và đất ông H bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng, ngoài lối đi mà hiện nay các bên đang tranh chấp. Ông Đặng Thanh H, ông Nguyễn Đặng Hoàng T thuộc thửa đất số 521 và 526, tờ bản đồ 14 không còn lối đi nào khác để vào đất của mình. Do đó, ông Đặng Thanh H có đơn kiện ông Đặng Văn B dành một lối đi qua bất động sản liền kề thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 245, 246, 254 của Bộ luật Dân sự.

[8] Tuy nhiên, diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế có diện tích 59,6m² theo kết quả đo đạc đất tranh chấp do Chi nhánh văn phòng Đ thực hiện thuộc một phần

thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B. Do đó, nghĩa vụ thanh toán bù hoàn giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự tổng diện tích lỗi đi tranh chấp và ông Đặng Thanh H, ông Nguyễn Đăng Hoàng T có trách nhiệm bù hoàn giá trị quyền sử dụng đất theo giá của Hội đồng định giá đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Đặng Văn B là 14.000.000 đồng/m² x 59,6m² thành tiền là 834.400.000 đồng.

[9] Đối với diện tích 195m² thuộc thửa đất số 526, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H18794 do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 04/12/2006 cho ông Nguyễn Văn T1 đã được chỉnh lý sang tên ông Nguyễn Đăng Hoàng T vào ngày 30/12/2017 cùng đi trên lối đi diện tích đất 59,6m² theo kết quả đo đạc đất tranh chấp do Chi nhánh văn phòng Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Hoàng T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Đăng Hoàng T có nghĩa vụ chịu trách nhiệm bù hoàn ½ giá trị quyền sử dụng đất cùng với ông Đặng Thanh H theo giá của Hội đồng định giá đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Đặng Văn B.

[10] Từ những chứng cứ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H, buộc bị đơn ông Đặng Văn B dành một lối đi có diện tích đo đạc thực tế 59,6m² theo kết quả đo đạc đất tranh chấp do Chi nhánh văn phòng Đ thực hiện thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B.

[11] Về nghĩa vụ thanh toán cụ thể: Lối đi tranh chấp có tổng diện tích đất là 59,6m² x 14.000.000 đồng thành tiền là 834.400.000 đồng. Ông Đặng Thanh H có nghĩa vụ bù hoàn cho ông Đặng Văn B ½ giá trị lối đi số tiền là 417.200.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng Hoàng T có nghĩa vụ bù hoàn cho ông Đặng Văn B ½ giá trị lối đi số tiền là 417.200.000 đồng.

[12] Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[13] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn B là người cao tuổi nên không phải nộp theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về chi phí đo đạc, định giá: Bị đơn ông Đặng Văn B phải nộp theo tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 245, 246, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H đối với bị đơn ông Đặng Văn B về việc “Tranh chấp về quyền lối đi qua”.

1.1. Buộc bị đơn ông Đặng Văn B dành lối đi diện tích đất 59,6m² theo kết quả đo đạc do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thủ Dầu Một thực hiện thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U886768, số vào sổ: 00561/QSDĐ/TXTDM do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 17/4/2002 cho ông Đặng Văn B. *(Kèm theo sơ đồ bản vẽ)*.

1.2. Về nghĩa vụ thanh toán:

Ông Đặng Thanh H có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông Đặng Văn B ½ giá trị lối đi số tiền là 417.200.000 đồng (bốn trăm mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Đặng Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Văn B ½ giá trị lối đi số tiền là 417.200.000 đồng (bốn trăm mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Đặng Văn B không phải nộp án phí sơ thẩm.

2.2. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/0001577 ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thủ Dầu Một.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Tổng chi phí số tiền là 5.000.000 đồng, nguyên đơn đã thực hiện xong, ông Đặng Văn B có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thanh Phong

**SƠ ĐỒ BẢN VẼ KÈM THEO BẢN ÁN SỐ 140/2023/DS-ST NGÀY
20/9/2023 CỦA TAND TP THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong